

PHỤ LỤC 1
BÁO CÁO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2021
(Kèm theo Báo cáo số: /BC-STC ngày 15 tháng 12 năm 2021 của Sở Tài chính)

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số lượng /Tỷ lệ	
1	Công tác chỉ đạo điều hành CCHC			
1.1.	Kế hoạch CCHC			Kế hoạch số 2144/KH-STC ngày 29/9/2020
1.1.1.	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	24	Bao gồm 7 nhiệm vụ chung, chia ra thành 24 nhiệm vụ cụ thể (Trong đó có 11 nhiệm vụ thực hiện thường xuyên)
1.1.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	20	Các nhiệm vụ đều đã ban hành Kế hoạch thực hiện, tuy nhiên đối với các báo cáo thì thực hiện trong năm
1.1.3.	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành	Văn bản	12	
1.2.	Kiểm tra CCHC			Kế hoạch số 15/KH-STC ngày 03/02/2021
1.2.1.	Số phòng, ban, đơn vị trực thuộc đã kiểm tra	Đơn vị		Quý IV thực hiện kiểm tra các phòng: 1. Phòng HCSN 2. Phòng TC HCSN 3. Trung tâm TVDVTC
1.2.2.	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề		Thời gian thực hiện Quý IV/2021
1.2.3.	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề		

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số lượng / Tỷ lệ	
1.3	Về công tác tuyên truyền CCHC			Kế hoạch số 13/KH-STC ngày 02/02/2021
1.3.1	Số nội dung tuyên truyền	Nội dung	5	
1.3.2.	Hình thức tuyên truyền	Hình thức	Đa dạng	
1.3.3.	Số lượng tin, bài đã tuyên truyền	Tin, bài		
1.3.4	Tỷ lệ hoàn thành kế hoạch tuyên truyền	%	100%	
1.4.	Thực hiện nhiệm vụ, kết luận do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao			
1.4.1.	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	631	
1.4.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ	613	
1.4.3.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ	16	
1.4.4.	Số nhiệm vụ chưa hoàn thành	Nhiệm vụ	2	
2	Cải cách thể chế			
2.1.	Số VBQPPL đã ban hành/tham mưu ban hành	Văn bản	9	Chi tiết theo Báo cáo
2.2.	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền	Văn bản	6	
2.3.	Số VBQPPL đã rà soát	Văn bản	109	
2.4.	Số VBQPPL đã kiến nghị xử lý sau kiểm tra, rà soát	Văn bản	4	
2.5.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	4	
3	Cải cách thủ tục hành chính			
3.1.	Thống kê TTHC			

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số lượng / Tỷ lệ	
3.1.1.	Số TTHC công bố mới	Thủ tục	0	
3.1.2.	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục	0	
3.1.3.	Tổng số TTHC đang có hiệu lực	Thủ tục	33	
3.2.	<i>Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông</i>			
3.2.1.	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục	21	
3.2.2.	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục	0	
3.2.3.	Tỷ lệ TTHC đã được phê duyệt quy trình nội bộ	%	100%	
3.2.4.	Tỷ lệ quy trình nội bộ giải quyết TTHC đã được điện tử hóa	%	100%	
3.3.	<i>Kết quả giải quyết TTHC</i>			
3.3.1	Số hồ sơ TTHC tiếp nhận mới		295	
3.3.2.	Số hồ sơ TTHC trong kỳ trước chuyển qua		0	
3.3.3.	Số hồ sơ TTHC tiếp nhận và giải quyết trước/đúng hạn	Hồ sơ	295	
3.3.4.	Số hồ sơ TTHC tiếp nhận và giải quyết quá hạn	Hồ sơ	0	
3.4	<i>Tiếp nhận, xử lý phản ánh kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở:</i>			<i>Không có</i>
3.4.1	Số phản ánh, kiến nghị (PAKN) đã tiếp nhận (bao gồm cả kỳ trước chuyển qua)	PAKN	0	
3.4.2	Tổng số PAKN đã xử lý xong	PAKN	0	

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số lượng /Tỷ lệ	
3.4.3	Tổng số PAKN đang xử lý	PAKN	0	
3.5	<i>Vận hành Cổng dịch vụ công</i>			
3.5.1.	Số TTHC được tích hợp lên Cổng DVC	Thủ tục	33	
3.5.2.	Số TTHC cung cấp mức độ 3, 4 trên Cổng DVC	Thủ tục	3	
3.5.3.	Số TTHC đã tích hợp dịch vụ thanh toán trực tuyến.	Thủ tục	0	
4	<i>Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước</i>			
4.1	<i>Cơ cấu tổ chức bộ máy</i>			
4.1.1.	Số đơn vị hành chính trực thuộc	đơn vị	0	
4.1.2.	Số đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc	đơn vị	1	
4.2	<i>Số liệu về biên chế công chức</i>			
4.2.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	51	
4.2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	48	
4.2.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại cơ quan hành chính nhà nước	Người	3	
4.2.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	0	
4.2.5.	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%	0,8	Theo chấm điểm CCHC năm 2020
4.3.	<i>Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập</i>			
4.3.1.	Tổng số người làm việc được giao	Người	8	

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số lượng /Tỷ lệ	
4.3.2.	Tổng số người làm việc có mặt	Người	5	
4.3.3.	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	0	
4.3.4.	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%	0	
5	Cải cách chế độ công vụ			
5.1.	Vị trí việc làm của công chức, viên chức			
5.1.1.	Số đơn vị hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	đơn vị	6	
5.1.2.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	đơn vị	1	
5.1.3.	Số đơn vị có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	đơn vị	0	
5.2.	Tuyển dụng công chức, viên chức			
5.2.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	0	
5.2.2.	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	0	
5.2.3.	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển).	Người	0	
5.2.4.	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	0	
5.3.	Số liệu về bổ nhiệm công chức lãnh đạo			
5.3.1.	Số lãnh đạo cấp sở, ngành hiện có mặt	Người	3	
5.3.2.	Số lãnh đạo cấp sở, ngành được bổ nhiệm mới	Người	0	
5.3.3.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành được bổ nhiệm mới	Người	0	
5.4	Số liệu về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức (cả về Đảng và chính quyền).			

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số lượng /Tỷ lệ	
5.4.1.	Số lãnh đạo sở, ngành bị kỷ luật.	Người	0	
5.4.2.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL trực thuộc bị kỷ luật.	Người	0	
5.5.	Về công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức			
5.5.1	Số nhiệm vụ của đơn vị được giao trong kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức của tỉnh	Nhiệm vụ	2	
5.5.2	Số nhiệm vụ đã hoàn thành theo kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức	Nhiệm vụ	2	
5.5.3	Số cán bộ, công chức, viên chức được đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ trong kỳ báo cáo	Lượt người	2	Quyết định số 38/QĐ-STC ngày 05/4/2021; Quyết định số 47/QĐ-STC ngày 09/4/2021
6	Cải cách tài chính công			
6.1	Các văn bản triển khai thực hiện cơ chế khoán biên chế và kinh phí hành chính theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, Nghị định số 117/2014/NĐ-CP ngày 7/10/2014	Văn bản	1	QĐ số 334/QĐ-STC ngày 31/12/2020 v/v giao dự toán thu chi NSNN năm 2021
6.2	Số đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở thực hiện cơ chế tự chủ			
6.2.1	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ 100% chi thường xuyên và chi đầu tư (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị	0	
6.2.2	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ 100% chi thường xuyên (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị	0	
6.2.3	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ một phần chi thường xuyên (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị	0	

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số lượng /Tỷ lệ	
6.2.4	Số đơn vị SNCL do nhà nước đảm bảo 100% chi thường xuyên (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị	1	
6.2.5	Số đơn vị sự nghiệp công lập đủ điều kiện đã được phê duyệt Đề án vận dụng cơ chế tài chính như doanh nghiệp (trong kỳ báo cáo)	Cơ quan, đơn vị	0	
7	Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số			
7.1	Ban hành Kế hoạch ứng dụng CNTT	Chưa có = 0	1	Kế hoạch số 1792/KH-STC ngày 12/8/2020
	Số nhiệm vụ được giao triển khai thực hiện trong kế hoạch	Nhiệm vụ	6	
	Số nhiệm vụ đã hoàn thành theo kế hoạch	Nhiệm vụ	4	Còn 02 nhiệm vụ chưa hoàn thành, cụ thể: 1. Xây dựng kế hoạch ứng dụng CNTT năm 2022: Quý 3, 4 thực hiện. 2. Thực hiện sửa chữa, lắp đặt phòng máy chủ: Đang thực hiện
7.2	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử			
a	Tổng số VĂN BẢN ĐI giữa các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh	Văn bản	879	
Trong đó	Tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử (Sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử).	%	99,5%	
	Tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử và song song với văn bản giấy	%	0,5%	
b	Tỷ lệ đơn vị đã triển khai ứng dụng chữ ký số			
Trong đó	Tỷ lệ lãnh đạo, cán bộ của cơ quan, đơn vị thuộc cơ quan đã được cấp chữ ký số.	%	10%	
	Tỷ lệ văn bản đi được ký số (số văn bản đi được ký số/tổng số văn bản đi *100)	%	99,5%	

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số lượng /Tỷ lệ	
c	Sử dụng thư điện tử			
	Tỷ lệ phòng, ban chuyên môn, đơn vị trực thuộc thường xuyên sử dụng hộp thư điện tử chung	%	100%	
	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức được cấp hộp thư thường xuyên sử dụng	%	100%	
7.3	<i>Dịch vụ công trực tuyến</i>			
7.3.1.	Tổng số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3	TTHC	0	
7.3.2.	Tổng số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 4	TTHC	3	
7.3.3.	Tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến mức độ 3	%	0%	
7.3.4.	Tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến mức độ 4	%	100%	
7.4	<i>Áp dụng ISO trong hoạt động của Sở:</i>		0	
	Số phòng, ban, đơn vị trực thuộc đã triển khai	Đơn vị	6	
	Thực hiện việc duy trì, cải tiến HTQLC ISO 9001 vào hoạt động quản lý tại Sở và đơn vị trực thuộc theo quy định			
	Thực hiện chế độ báo cáo ISO theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền			